

BẠC LIÊU: HOẠT ĐỘNG KH&CN THIẾT THỰC GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

TS HUỲNH MINH HOÀNG

Giám đốc Sở KH&CN Bạc Liêu

Năm 2013, mặc dù bối cảnh chung của nền kinh tế đất nước và ngành khoa học và công nghệ (KH&CN) còn gặp nhiều khó khăn, nhưng được sự quan tâm của Lãnh đạo tỉnh và Bộ KH&CN, hoạt động KH&CN của Bạc Liêu đã đạt được những thành tích đáng khích lệ, đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo được sự chuyển biến tích cực trong một số lĩnh vực tiêu biểu.

Về nghiên cứu và ứng dụng KH&CN: năm 2013, Sở KH&CN Bạc Liêu đã tổ chức nghiệm thu kết quả nghiên cứu của 19 đề tài/dự án cấp tỉnh và 15 đề tài/dự án cấp cơ sở. Kết quả nổi bật trong lĩnh vực nông nghiệp có thể kể đến như Dự án xây dựng cánh đồng mẫu lớn và ghi chép sổ tay sản xuất lúa cao sản ngắn ngày theo hướng GAP trên địa bàn 2 huyện Phước Long và Giá Rai. Dự án đã triển khai trên 60 ha với 60 hộ nông dân tham gia, sản phẩm là mô hình cánh đồng mẫu lớn sử dụng giống lúa xác nhận (OM 4218, OM 5451, OM 2517). Năng suất bình quân đạt 5,7-6,2 tấn/ha, cho lợi nhuận trung bình 13,565-17,015 triệu đồng/ha/vụ. Ngoài ra, Dự án còn xây dựng thành công mô hình cánh đồng mẫu lớn và ghi chép sổ tay sản xuất lúa Tài Nguyên (một trong những giống lúa đặc sản của tỉnh) theo hướng GAP trên địa bàn huyện Vĩnh Lợi. Mô hình được triển khai trên diện tích 40 ha với 25 hộ nông dân tham gia tại xã Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lợi. Năng suất mô hình bình quân đạt 7 tấn/ha, cho lợi nhuận trung bình 26.076.000 đồng/ha/vụ. Đối với rau màu, đã tuyển chọn và trồng thử nghiệm thành công hai giống khoai lang cao sản HL 208 đạt năng suất

22 tấn củ tươi/ha, khoai lang Nhật đỏ lòng dẹt năng suất 19 tấn củ tươi/ha và quy trình kỹ thuật trồng 2 giống khoai lang này phù hợp với điều kiện vùng canh tác rau màu tại 2 huyện Phước Long và Giá Rai.

Trong lĩnh vực thủy sản, bên cạnh đối tượng chủ lực là con tôm thì việc nghiên cứu và xây dựng thành công quy trình ương cá chêm từ cá hương lên cá giống bằng hệ thống mương nổi, với mật độ tối ưu là 2.000 con/m³, loại thức ăn phù hợp cho lợi nhuận cao nhất là loại thức ăn công nghiệp INVE đã tạo ra hướng mới trong việc cung cấp nguồn con giống ổn định cho nghề nuôi cá chêm quy mô công nghiệp đang ngày càng phát triển ở Bạc Liêu. Cá kèo cũng được biết đến với vai trò là loài cá nước lợ có giá trị kinh tế của tỉnh. Đề tài nghiên cứu cơ bản về bệnh thường xảy ra trên loài cá này đã tạo nền tảng, cơ sở để thực hiện những nghiên cứu tiếp theo nhằm tìm ra phương pháp phòng trị bệnh khi đưa vào sản xuất thực tế. Không những chú trọng các đối tượng nuôi nước lợ mặn, một số đối tượng nuôi nước ngọt có tiềm năng phát triển như cá lóc, cá dày, lươn đồng, tôm càng xanh... cũng đang được nghiên cứu, phát triển trên địa bàn tỉnh. Kết quả nghiên cứu cơ bản điển hình trên nhóm đối tượng này

là việc kích thích cho sinh sản nhân tạo cá dày bằng một số loại hormon khác nhau. Nghiên cứu bước đầu đã tìm ra loại hormon kích thích sinh sản cho cá dày tốt nhất là HCG kết hợp với não thủy cá chép.

Trong lĩnh vực môi trường, đã đánh giá được hiện trạng rừng trồng trên các mô hình trồng rừng ngập mặn ven biển tỉnh Bạc Liêu và có giải pháp đề xuất các mô hình rừng trồng thích hợp phục vụ cho công tác trồng, bảo vệ rừng và phát triển rừng bền vững. Kết quả của các nghiên cứu đã góp phần giúp tỉnh thống kê lại diện tích rừng ngập mặn giai đoạn 2008-2010 là 2.040 ha, diện tích thành rừng 928 ha (đạt 48%), tỷ lệ sống trên 80%; diện tích không thành rừng 1.058 ha (chiếm 52%), từ đó đề xuất mô hình trồng rừng triển vọng trên địa bàn tỉnh là mô hình trồng dưới mương, mô hình trồng phi lao trên bờ liếp...

Về hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng: đã hướng dẫn cho 3 doanh nghiệp và 38 đơn vị hành chính nhà nước áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Đồng thời hỗ trợ xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 22000:2007 cho 1 doanh nghiệp. Đối với hoạt động



Hội thảo mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa xen tôm sú tại huyện Hồng Dân

kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá, đã chủ trì và phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra về đo lường, chất lượng và dán nhãn hàng hóa lưu thông trên thị trường tại 268 cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh về xăng dầu, vận tải, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, đồ điện tử, các cơ sở khám chữa bệnh và các cơ sở kinh doanh hàng hóa tại các chợ. Hướng dẫn 3 doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2013 với kết quả là 1 doanh nghiệp đạt giải Vàng, 1 doanh nghiệp đạt giải Bạc.

Về hoạt động sở hữu trí tuệ: đã triển khai dự án quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Hồng Dân” cho sản phẩm gạo Một bụi đỏ tỉnh Bạc Liêu. Đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý “Bạc Liêu” cho sản phẩm muối ăn và nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm “Ngò ri” Bạc Liêu.

Về hoạt động thông tin KH&CN: đã xuất bản và phát hành 6 Bản tin chuyên đề với số lượng 3.000 quyển, 12 số Thông tin chọn lọc phục vụ lãnh đạo với số lượng 6.000 quyển, 4 Tập san Thông tin KH&CN với số lượng 2.000 quyển; đã xây dựng bộ cơ sở dữ liệu số với hơn 3.800 tài liệu toàn văn thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, KHCN, khoa học y dược, khoa học nông nghiệp, khoa học xã hội và nhân văn và các kết quả nghiên cứu khoa học khác. Ngoài ra, Sở còn hỗ trợ bộ máy vi tính và cơ sở dữ liệu toàn văn cho 15 xã trên địa bàn tỉnh, tổ chức 8 lớp tập huấn “Tuyên truyền, phổ biến, khai thác thông tin KH&CN” cho nông dân trong các xã.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu vẫn còn một số tồn tại như: tỷ lệ ứng dụng kết quả nghiên cứu từ các đề tài/dự án KH&CN vào sản xuất còn thấp; chưa có chính sách phát triển các sản phẩm sau khi nghiên cứu thành công... Nguyên nhân của tình trạng trên là do: *Thứ nhất*, nguồn nhân lực của địa phương còn yếu và thiếu, chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa có cán bộ nghiên cứu KH&CN đầu đàn cho từng lĩnh vực. Cán bộ làm công tác nghiên cứu - phát triển còn hạn chế về khả năng nghiên cứu độc lập, thiếu say mê, hoài bão, tinh thần dẫn thân và tính chuyên nghiệp trong nghiên cứu khoa học. Chưa có sự chủ động trong đề xuất nhân rộng các công trình đã được nghiên cứu và bàn giao kết quả. *Thứ hai*, nhận thức về vai trò của KH&CN, cũng như sự quan tâm của xã hội đối với lĩnh vực này còn thấp. Bản chất, tính chất đặc thù của KH&CN chưa được các sở, ngành nhận thức đúng đắn và thực sự coi trọng, đặc biệt là một bộ phận cá nhân trong ngành còn có sự nhận thức chưa tương xứng về vai trò, vị trí của KH&CN. *Thứ ba*, nguồn vật lực của tỉnh đầu tư cho KH&CN còn thấp, cơ chế tài chính ở địa phương còn chậm được đổi mới để đáp ứng nhu cầu phát triển. *Thứ tư*, đội ngũ cán bộ quản lý KH&CN từ tỉnh đến cơ sở còn mỏng (mỗi huyện, thành phố chỉ có 1 biên chế chuyên trách), cấp xã không có mạng lưới hoạt động, đồng thời năng lực của đội ngũ này chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu kiến thức chuyên môn, ngoại ngữ; chậm cập nhật thông tin và tri thức mới

để phục vụ công tác quản lý; thiếu bám đuổi trong công việc; thiếu khả năng hợp tác và làm việc theo nhóm. *Thứ năm*, việc ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách mới còn chậm và nhiều vướng mắc (đặc biệt là các cơ chế, chính sách về đổi mới quản lý, định mức tài chính và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập). Bên cạnh đó, nhiều văn bản đã được ban hành nhưng việc thực thi trong thực tế còn gặp nhiều khó khăn.

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển, thời gian tới hoạt động KH&CN của Bạc Liêu sẽ tập trung đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng trong các ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương, cụ thể như: xây dựng và nhân rộng các mô hình chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn; xác lập mối liên kết “4 nhà”, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh tăng năng suất, nâng cao chất lượng hàng hóa, an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, tăng thu nhập cho nông dân. Về trồng trọt, sẽ tập trung nghiên cứu sản xuất các sản phẩm chất lượng cao như giống lúa chịu mặn, lúa sạch, rau sạch, hoa lan, cây kiểng, giống nhãn mới... cho chất lượng và năng suất cao. Về chăn nuôi, nghiên cứu sản xuất heo siêu nạc, vịt siêu thịt - siêu trứng trong mô hình vườn - ao - chuồng kết hợp biogas, an toàn sinh học và mô hình nuôi công nghiệp gắn với công nghệ xử lý chất thải nhằm hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường và kiểm soát hữu hiệu dịch bệnh. Về thủy sản, xây dựng mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao và an toàn sinh học, đặc biệt là mô hình nuôi tôm công nghiệp sạch, nuôi tôm sinh thái dưới tán rừng ngập mặn. Chú trọng nghiên cứu cải tiến thiết bị công nghệ, ngư cụ trong khai thác thủy sản và hậu cần biển... ■